

Bản án số: 248/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 16/9/2025

V/v tranh chấp "Ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

* Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Kim Ngọc Giàu**

* Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Cẩm Bình**

2. Ông **Danh Riêng**

* Thư ký phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Phụng** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - An Giang: Ông **Bùi Nhất Nguyên** – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 269/2025/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2025 về tranh chấp “*Ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 76/2025/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Anh **Danh H**, sinh năm 1996.

Địa chỉ: ấp N, xã L, huyện G, tỉnh K.

Nay là: ấp N, xã L, tỉnh A.

2. *Bị đơn*: Chị **Thị Kim H1**, sinh năm: 1994.

Địa chỉ: ấp N, xã L, huyện G, tỉnh K.

Nay là: ấp N, xã L, tỉnh A.

(Anh H có đơn xin vắng mặt; chị H1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, các ý kiến và yêu cầu trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Danh H trình bày:***

Do quen biết và được sự đồng ý của hai bên gia đình anh và chị H1 tiến tới hôn nhân có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện G, tỉnh K (nay là Ủy ban nhân dân xã L, tỉnh A) ngày 03/8/2016. Sau khi cưới anh và chị H1 đi làm trên tỉnh B thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do cải vả tiền gửi về quê cho mẹ của chị H1 nuôi con nhưng anh chưa kịp đi gửi rồi chị H1 bỏ về quê. Anh, chị đã ly thân khoảng năm 2018 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên anh đề nghị ly hôn với chị Thị Kim H1.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Danh Hải B, sinh ngày 09/4/2016 nhưng hiện tại đã làm giấy khai sinh đổi tên là Danh Hoài H2. Từ lúc anh và chị H1 ly thân thì mẹ vợ không có đến nhà thăm con. Anh xác định hiện tại con chung đang ở với chị H1 và mẹ vợ. Khi ly hôn anh đồng ý giao con chung cho chị H1 tiếp tục nuôi dưỡng. Anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn chị Thị Kim H1 không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh Danh H, mặc dù Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng đúng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Anh H: Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Chị H1: Vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ nhiều lần.

- Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng, bị đơn vắng mặt không đảm bảo theo quy định tại khoản 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Nguyên đơn Danh H trình bày nguyên nhân vợ chồng cãi vả tiền gửi về quê cho mẹ của bị đơn, dẫn đến phát sinh mâu thuẫn, đã ly thân từ năm 2018 đến khi khởi kiện. Mặt khác, Tòa án đã tiến hành tổng đạt

hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn Thị Kim H1 vẫn vắng mặt thể hiện bị đơn không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên không thể xây dựng gia đình hạnh phúc theo Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Căn cứ quy định tại 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn anh Danh H về việc xin ly hôn chị Thị Kim H1.

Về con chung: Căn cứ quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giao con chung tên Danh Hoài H2, sinh ngày 09/4/2016 cho chị H1 nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh H.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; nguyên đơn Danh H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0013140 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 - An Giang).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn chị Thị Kim H1 có hộ khẩu thường trú ở ấp N, xã L, huyện G, tỉnh K (nay là ấp N, xã L, tỉnh A). Vì vậy tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang theo quy định khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn anh Danh H có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn chị Thị Kim H1 vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh H và chị H1 trong vụ án này.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Xét thấy quan hệ hôn nhân của anh H và chị H1 là hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện G, tỉnh K (nay là Ủy ban nhân dân xã L, tỉnh A).

Theo anh H sau khi cưới anh và chị H1 đi làm trên tỉnh B thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do cải vã tiền gửi về quê cho mẹ của chị H1 nuôi con nhưng anh chưa kịp đi gửi rồi chị H1 bỏ về quê. Anh, chị đã ly thân khoảng năm 2018 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên anh đề nghị ly hôn với chị Thị Kim H1.

Phía chị H1 không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện cũng như nguyên nhân mâu thuẫn mà phía anh H đưa ra. Mặc dù, lời trình bày của anh H là đơn phương nhưng chị H1 không có ý kiến phản bác đối với lời trình bày này. Hơn nữa, chị H1 không tham dự các phiên hòa giải của Tòa án để thể hiện ý kiến của mình là muốn đoàn tụ, hàn gắn mâu thuẫn hôn nhân chứng tỏ chị H1 không mong muốn tiếp tục duy trì hôn nhân với anh H. Do đó, Hội đồng xét xử đủ cơ sở xác định cuộc sống hôn nhân giữa anh H và chị H1 không thể tiếp tục kéo dài, tình trạng hôn nhân của anh, chị đã không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của anh H là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 19, 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh H xác định giữa anh và chị H1 có 01 người con chung tên Danh Hải B, sinh ngày 09/4/2016 nhưng hiện tại đã làm giấy khai sinh đổi tên là Danh Hoài H2. Từ lúc anh và chị H1 ly thân thì mẹ vợ không có đến nhà thăm con. Anh xác định hiện tại con chung đang ở với chị H1 và mẹ vợ. Khi ly hôn anh đồng ý giao con chung cho chị H1 tiếp tục nuôi dưỡng. Anh không cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi anh H và chị H1 ly thân thì con chung do chị H1 nuôi dưỡng; chị H1 không có ý kiến gì về việc anh H giao con chung cho chị nuôi dưỡng. Đồng thời cháu Hoài H2 cũng có nguyện vọng được ở với chị H1 nên xét thấy cần tiếp tục giao con chung là Danh Hoài H2, sinh ngày 09/4/2016 cho chị H1 nuôi dưỡng là phù hợp.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc

thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó;

[4] Về tiền cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H1 không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Anh H xác định không có không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị H1 không có ý kiến tài sản chung cũng như nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Anh H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[7] Xét đề nghị của Vị Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp, cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 147, 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Các Điều 19, 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;
- Các Điều 24; 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho anh Danh H được ly hôn với chị Thị Kim H1.

2. Về con chung: Tiếp tục giao con chung là Danh Hoài H2, sinh ngày 09/4/2016 cho chị H1 nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc

thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó;

- Tiền cấp dưỡng nuôi con: Không giải quyết do không có yêu cầu.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết do không có yêu cầu.

4. Về án phí: Anh Danh H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh H đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0013140 ngày 10/4/2025 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 5, tỉnh An Giang). Xem như anh H đã thi hành xong phần án phí.

5. Anh Danh H, chị Thị Kim H1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 5;
- Phòng THADS khu vực 5;
- Thi hành án dân sự tỉnh An Giang;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu HS + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Kim Ngọc Giàu

